

Bản án số: 956/2023/HS-PT
Ngày 15 tháng 12 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai (bằng hình thức trực tuyến) vụ án hình sự thụ lý số 53/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V, Lê Thị Hồng L. Do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo:

1/. **Nguyễn Ngọc Bảo V** (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc Bảo V1); sinh năm 1988, tại tỉnh Lâm Đồng; nơi thường trú: đường Y, Phường 09, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: đường B, Phường 07, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông: Nguyễn Công D, sinh năm: 1960; con bà: Lê Thị Hồng L, sinh năm: 1960, là bị cáo trong vụ án, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng.

Chồng: Phạm Văn Th, sinh năm 1983; bị cáo có 06 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án: Ngày 04/07/2014, Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng xử phạt 2 năm 6 tháng tù, theo bản án số 84/HSST về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Ngày 21/01/2016, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù; bị cáo chưa chấp hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm của bản án.

Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại đường B, Phường 07, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo V: Luật sư Nguyễn Thanh L – Văn phòng Luật sư Vũ Hồng Huệ, Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2/. **Lê Thị Hồng L**; sinh năm 1960, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi thường trú: đường Đ, Phường 07, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: đường B, Phường 07, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông: Lê Bình S (chết), con bà: Nguyễn Thị L (chết); chồng: Nguyễn Công D, sinh năm 1960; bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1983 (đã chết), nhỏ nhất sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/03/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo L: Luật sư Nguyễn Thanh V – Văn phòng Luật sư Quốc Thu; Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

- *Người bị hại có kháng cáo:*

1. Bà Hồ Thị Thu H, sinh năm 1965; địa chỉ: đường Ng, Phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bà H: Luật sư Nguyễn Văn H, Công ty Luật TNHH Đ; Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Mai A, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm Đ1, Phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1941; địa chỉ: đường Ng, Phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

4. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1967; địa chỉ: đường N, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

5. Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1966 và bà Ngô Tuyết Ngh, sinh năm 1973; địa chỉ: đường A, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:* Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã S, huyện Ch, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở hiện nay: đường Ng, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2020. Nguyễn Ngọc Bảo V cùng Lê Thị Hồng L đã nhiều lần đưa ra nhiều thông tin gian dối, không có thật về việc gia

định được nhà nước bồi thường tiền đất tại thành phố K, tỉnh Kon Tum đồng thời sử dụng các giấy tờ không có thật như: Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND Thành phố K chi trả cho hộ bà Nguyễn Ngọc Bảo V số tiền 320.000.000.000đ (Ba trăm hai mươi tỷ đồng) tương đương với 22 mẫu đất mà UBND Thành phố K thu hồi của gia đình bà Lê Thị Hồng L (BL: 902 - 925) và Giấy xác nhận số dư của Ngân hàng TPCP S (S) - Chi nhánh Gia Lai xác nhận Nguyễn Ngọc Bảo V là chủ sở hữu của tài khoản số: 053.11.17969560019, số dư: 245.000.000.000đ, loại tiền: VNĐ, (BL: 1109). Sau đó lấy lý do cần tiền đóng tiền thuê đất, tiền phí mở sổ tiết kiệm, tiền đưa cho cán bộ làm thủ tục giải ngân tiền đền bù để vay, mượn tiền của nhiều người dân trên địa bàn thành phố Đ sau đó chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt tiền của Bà Hồ Thị Thu H, sinh năm 1965, CMND số: 250308189; HKTT: Đường H, Phường 09, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cuối tháng 02/2018, Nguyễn Ngọc Bảo V và Lê Thị Hồng L có liên lạc với những người đã cho L và V vay tiền, cho biết sẽ đi TP Hà Nội để nhận tiền đền bù đất, toàn bộ chi phí vé máy bay, sinh hoạt ăn uống, khách sạn ở đều do V chi trả. Đồng thời V cho biết V đang cần số tiền 600 triệu đồng để đóng tiền thuê đất thu hồi để nhận tiền giải ngân bồi thường đất, tiền phí mở sổ tiết kiệm cho những người đi cùng, tiền đưa cho cán bộ ngân hàng M (M) để giải ngân tiền đền bù. Do đó, những người đi cùng tin tưởng V được đền bù đất thật nên đã cho L - V vay tiền. Khi ra Hà Nội, V gặp người tên “Th” (Hiện không rõ nhân thân lai lịch) đưa cho V 13 (mười ba) “Thẻ tiết kiệm” có tên của V - L và những người đi cùng là bà Bạch Thị H1, ông Đỗ Văn B, bà Đinh Thị Thúy H2, ông Nguyễn Tử H3, bà Nguyễn Thị Th.... Thẻ tiết kiệm của L - V có số tiền nhiều tỷ đồng, còn những người đi cùng có 10 tỷ đồng. V nói mọi người về lại TP Đ để nhận tiền. Khi về lại TP Đ, ông Đỗ Văn B cho biết không có tiền trong thẻ tiết kiệm do V đưa, nên V thu hồi lại các thẻ tiết kiệm và nói mang lại ra TP Hà Nội để nộp lại vào Ngân hàng thì sẽ nhận được tiền bồi thường. Chỉ có thẻ tiết kiệm của bà Bạch Thị H1 không đưa lại cho V là do bà H mang thẻ tiết kiệm lên Ngân hàng M - Chi nhánh Lâm Đồng và bị thu giữ. Tiếp đó, V nói mọi người qua Thành phố K để nhận tiền đền bù, ở được 02 ngày thì lại tiếp tục thuê xe chở mọi người ra TP Hà Nội 01 tuần để nhận tiền đền bù, mọi chi phí đều do V chi trả. Khi ra TP Hà Nội, V cho biết có đến Ngân hàng M (M) làm việc để nộp lại thẻ tiết kiệm nhưng không có giấy tờ gì xác nhận, cũng không rõ nộp cho bộ phận nào, cụ thể cho ai. Khi đó, V có yêu cầu bà H đưa lại thẻ tiết kiệm nhưng không có, nên V có yêu cầu bà H viết cam kết trả lại thẻ tiết kiệm thì sẽ trả lại số tiền 821.000.000đ (tám trăm hai mươi một triệu đồng) đã vay của bà H và cho biết do không có đủ thẻ tiết kiệm để nộp cho Ngân hàng nên nói mọi người về lại TP Đ để nhận tiền đền bù.

Ngày 05/06/2018, V thuê xe ô tô 16 chỗ của ông Nguyễn Văn Đ (tên thường gọi L1) làm tài xế, cùng gia đình gồm: L, H2, B, H, Th... và 05 người con của V đi Kon Tum và cho mọi người biết đi làm thủ tục giải ngân tiền đền bù đất số tiền là 120 tỷ đồng. V và L nói cho ông Đ biết sự việc gia đình L - V qua Thành phố K để đi làm thủ tục nhận tiền bồi thường, được UBND Thành phố K cấp Quyết định bồi thường tiền 120 tỷ đồng, V là người được L ủy quyền đứng ra khiếu kiện và

nhận được Quyết định bồi thường, cần tiền để đóng cho Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum thì sẽ được tiền bồi thường 120 tỷ đồng và hỏi vay mượn tiền ông Đ. Lúc này, ông Đ không có tiền nên liên hệ với vợ là bà Hồ Thị Thu H. L gọi điện trực tiếp trao đổi với bà H và cho biết toàn bộ sự việc gia đình bà L đang làm thủ tục nhận tiền bồi thường đất tại Thành phố K, đang cần tiền để đóng vào Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum thì mới được giải ngân tiền, hứa hẹn sau 03 ngày khi nhận được tiền bồi thường sẽ trả lại cho bà H số tiền 200 triệu đồng cùng lãi suất và cho thêm số tiền 100 triệu đồng. Tiếp đó, V cũng liên hệ với bà H, cho biết toàn bộ nội dung sự việc V là người trực tiếp được Nhà nước bồi thường tiền đất trên các Quyết định bồi thường, sau khi được giải ngân tiền sẽ trả lại tiền vay và cho thêm vợ chồng H - Đ số tiền lớn. Do tin tưởng V được Nhà nước đền bù nên Bà H đồng ý chuyển vào tài khoản của V cho V vay số tiền 200 triệu đồng. Tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng, V khai đã đến Sở Tư pháp đóng tiền (không rõ đóng cho ai, bộ phận nào) và nhận biên lai thu tiền với nội dung “thu phí để giải ngân 120 tỷ đồng đền bù thu hồi đất tại đường Tr, Phường Th, Thành phố K, tỉnh Kon Tum do Nguyễn Ngọc Bảo V đứng tên chủ đất” và hẹn 10 ngày sau đến UBND tỉnh Kon Tum nhận tiền. Trong lúc chờ đợi, bị cáo V cùng mọi người đi tỉnh Bình Định để tìm mộ gia đình, khi quay lại khách sạn thì bị mất toàn bộ các giấy tờ liên quan đến việc bồi thường đất, Quyết định được bồi thường đất, các biên lai thu tiền để giải ngân số tiền 120 tỷ đồng, ngoài ra không bị mất tài sản gì nên cả đoàn đã quay về lại Thành phố B để sinh sống và tiếp tục chờ được giải ngân tiền bồi thường.

V cho mọi người biết, do việc bồi thường tại tỉnh Kon Tum không giải quyết được nên V cùng gia đình tiếp tục thuê xe nhiều lần của ông Đ để đi TP Hà Nội và nhiều nơi khiếu kiện đòi tiền bồi thường đất. V và L nhiều lần mượn tiền của bà H với nhiều khoản tiền khác nhau (thấp nhất là 03 triệu đồng và cao nhất là 400 triệu đồng), cũng như vay mượn tiền của nhiều người là bà Bạch Thị H1, ông B, bà M, bà Mai A, bà X.... Các khoản tiền vay mượn bị cáo V - L đều cho biết dùng để: Đóng thuế cho nhà nước tại Bộ Tài nguyên và Môi trường, đóng tiền thu nhập cá nhân, đóng tiền để nhận được tiền bồi thường lên đến 320 tỷ đồng tại văn phòng thuế TP Hà Nội và đưa tiền cho người tên “T, T1, G, S” (không rõ họ tên, địa chỉ, hiện không liên lạc được) làm ở Bộ Tài chính, Thanh tra Chính phủ để được giải quyết nhanh việc bồi thường tiền. Trong thời gian này, V đã đưa 01 “GIẤY XÁC NHẬN SỐ DU” của Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Gia Lai xác nhận Nguyễn Ngọc Bảo V - sinh ngày 15/5/1988; CMND số: 251194599, cấp ngày: 12/03/2016, nơi cấp: CA tỉnh Lâm Đồng; HKTT: đường Y, Phường 09, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng là chủ tài khoản số 053.11.1796956.0019 có số tiền 245 tỷ đồng là tiền được nhà nước bồi thường do thu hồi đất tại Thành phố K cho vợ chồng H - Đ xem để tiếp tục cho L - V mượn tiền và nói đi làm nhiều thủ tục giải ngân số tiền này trong Ngân hàng và hứa hẹn sau khi giải ngân sẽ trả bà H số tiền đã vay và cho thêm tiền lên đến 10 tỷ đồng. Do tin tưởng V và L được nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum là có thật nên bà H đã nhiều lần cho L và V vay mượn tiền. Quá trình điều tra xác định đến ngày 10/11/2019 L - V đã vay mượn bà Hồ Thị Thu H tổng số tiền là 3,8 tỷ đồng sau đó chiếm đoạt không trả.

Vụ thứ hai: Chiếm đoạt tiền của Bà Nguyễn Thị Mai A - 1984, CMND số: 250650625; HKTT: xóm Đ, Phường 12, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vào khoảng tháng 12/2018, bà Hồ Thị Thu H có rủ bà Nguyễn Thị Mai A là em dâu của bà H xuống Thành phố B chơi và gặp gia đình L - V. Trong thời gian này, L - V có cho bà Mai A biết gia đình đang làm nhiều thủ tục để nhận tiền bồi thường đất tại Thành phố K với số tiền 320 tỷ đồng. Bà Mai A cũng có nghe vợ chồng H - Đ cho biết có được L - V cho xem Quyết định bồi thường số tiền 320 tỷ đồng cho Nguyễn Ngọc Bảo V về việc thu hồi đất tại địa chỉ đường Tr, Phường Th, Thành phố K, tỉnh Kon Tum của gia đình L - V do UBND Thành phố K cấp và giấy xác nhận số tiền 245 tỷ đồng trong tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Ngọc Bảo V, bà H cũng đang cho L - V vay tiền để làm các thủ tục giải ngân số tiền trên. Bà H cho L - V biết bà Mai A là người trồng hoa ly đang bị thua lỗ nên V có hứa hẹn khi nào giải ngân được tiền đền bù sẽ cho bà Mai A mượn số tiền lớn để mở rộng kinh doanh trồng hoa ly. Từ ngày 03/02/2019, L - V liên lạc và đưa ra nhiều thông tin không có thật là gia đình L - V được Nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K với số tiền 320 tỷ đồng để nhiều lần vay tiền của bà Mai A. Do tin tưởng việc V và L được Nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum là có thật nên bà Mai A đã chuyển tiền nhiều lần vào tài khoản số 050064467953 của Nguyễn Ngọc Bảo V tại ngân hàng S với tổng số tiền 870 triệu đồng cho L - V vay. Quá trình điều tra xác định L - V đã đưa ra nhiều thông tin gian dối, không có thật về việc được nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum để chiếm đoạt số tiền 870 triệu đồng của bà Mai A.

Vụ thứ ba: Chiếm đoạt tiền của Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1941, CMND số: 250049979; HKTT: đường Ng, Phường 12, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Khoảng tháng 12/2018, bà Hồ Thị Thu H có rủ bà Nguyễn Thị M là mẹ của bà H xuống Thành phố B chơi và gặp gia đình L - V. Trong thời gian này, L - V có cho bà M biết gia đình đang làm nhiều thủ tục để nhận tiền bồi thường đất tại Thành phố K với số tiền 320 tỷ đồng và giới thiệu có nhiều người làm ở Văn phòng chính phủ đang giúp cho gia đình nhận tiền đền bù trên. Bà M cũng có nghe vợ chồng H - Đ cho biết có được L - V cho xem Quyết định bồi thường tiền 320 tỷ đồng cho Nguyễn Ngọc Bảo V về việc thu hồi đất tại địa chỉ đường Tr, Phường Th, Thành phố K, tỉnh Kon Tum của gia đình L - V do UBND Thành phố K cấp và giấy xác nhận số tiền 245 tỷ đồng trong tài khoản ngân hàng đứng tên V và bà H cũng đang cho L - V vay tiền làm các thủ tục giải ngân số tiền trên. Khi bà M về lại TP Đ, L có gọi điện cho bà M nhiều lần mượn số tiền lớn lo việc đóng tiền vào nhà nước để giải ngân số tiền 320 tỷ đồng bồi thường cho V về việc thu hồi đất của gia đình bà L tại Thành phố K. Do tin tưởng việc V và L được Nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum là có thật nên bà M cho L - V vay, mượn 200USD, 06 chỉ vàng (không có giấy tờ xác nhận) Sau khi vay được tiền và vàng, L nói ông Đỗ Văn B (là người trước đây cũng cho L - V vay tiền và ở cùng gia đình L - V tại Thành phố B để đợi tiền giải ngân) mang bán được số tiền 16 triệu đồng (các bên xác nhận L - V vay của bà M số tiền là 16 triệu đồng). Ông B đã đưa toàn bộ tiền về cho L - V. Đến khoảng tháng 01/2019, L - V tiếp tục gọi điện cho bà M nhiều lần cho biết hiện đang cần tiền để V qua tỉnh Long An gặp ông “Trương

Hòa B” làm ở Văn phòng chính phủ đưa tiền nhờ giúp đỡ việc giải ngân nhanh số tiền 320 tỷ đồng trong ngân hàng được đền bù đất tại Thành phố K của gia đình L - V, khi được giải ngân sẽ cho bà M số tiền lên đến 01 tỷ đồng để sửa nhà. Do vẫn tin tưởng việc V và L được Nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum là có thật nên bà M đã đưa cho bà H số tiền 30 triệu đồng để chuyển tiền vào tài khoản số 050064467953 của Nguyễn Ngọc Bảo V tại ngân hàng S. Đến ngày 12/01/2019, L - V tiếp tục gọi điện cho bà M nói biết cần tiền để làm lại thủ tục công chứng do ông “Trương Hòa B” yêu cầu lấy 50 tỷ đồng trong số tiền 320 tỷ đồng được bồi thường đất của V trong ngân hàng thì mới giải ngân nên bà M tin tưởng nhờ người nhà chuyển tiền vào tài khoản số 050064467953 của Nguyễn Ngọc Bảo V tại ngân hàng S số tiền 65 triệu đồng. Sau đó, bà M đã nhiều lần liên lạc với L - V để đòi tiền nhưng L - V cho biết khi nào được giải ngân tiền bồi thường đất tại Thành phố K sẽ trả cho bà M. Đến đầu năm 2020, L - V tiếp tục liên lạc với bà M để vay tiền làm thủ tục giải ngân tiền đền bù đất tại Thành phố K, nhưng lúc này bà M bị ngã gãy chân nên L có đến nhà của bà M để nói bà M ủy quyền cho L nhận tiền tiết kiệm trong ngân hàng của bà M để L mượn tiền sử dụng đi lo việc giải ngân sớm số tiền đền bù đất tại Thành phố K và sẽ cho bà M tiền để chữa bệnh nhưng không thực hiện được. Đến ngày 17/3/2021, Nguyễn Ngọc Bảo V viết giấy mượn tiền với bà M nợ số tiền 95 triệu đồng, 06 chỉ vàng, 200USD (đối với 06 chỉ vàng và 200USD ông B mang bán được 16 triệu đồng, các bên xác nhận bị cáo L - V vay của bà M số tiền là 16 triệu đồng). Quá trình điều tra xác định, L - V bằng thủ đoạn đưa ra nhiều thông tin gian dối, không có thật về việc được nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum để chiếm đoạt số tiền 111 triệu đồng của bà M.

Vụ thứ tư: Chiếm đoạt tiền của bà Phạm Thị X, sinh năm 1965; HKTT: đường Ng, Phường 02, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Phạm Thị X có quen và cho bà Nguyễn Thị Th (tên thường gọi là Hằng) vay tiền. Vào khoảng tháng 11/2018, bà Th có rủ bà X xuống Thành phố B, tỉnh Bến Tre để gặp gia đình L - V đang thuê trọ và cho biết xuống lấy tiền từ L - V để trả lại tiền cho bà X. Do trước đây, bà Th vay mượn tiền của bà X để cho L - V vay lại sử dụng làm nhiều thủ tục nhận tiền bồi thường đất tại Thành phố K. Khi bà X ở tại Thành phố B, cùng bà Th đợi tiền bồi thường đất của gia đình L - V, thì L - V nói bà X cho vay tiền giúp đỡ nhận được tiền bồi thường do L - V phải đi vay mượn tiền của nhiều người (trong đó có bà Th) để đưa cho cán bộ ngân hàng làm thủ tục giải ngân tiền đền bù, đóng tiền phí vào ngân hàng, kho bạc do nhiều người cho L - V vay tiền nhưng viết sai giấy nhận tiền nên chưa nhận được tiền bồi thường và tiếp tục yêu cầu cho vay thêm tiền, do bà Th không có tiền nhưng có đeo trên tay lắc 5,2 chỉ vàng nên L đã mượn của bà X để đưa cho V mang bán được 16 triệu đồng, lấy tiền tiếp tục làm thủ tục nhận tiền bồi thường đất. Sau đó, L - V tiếp tục đưa ra nhiều thông tin cần tiền để đóng tiền thuế, tiền lưu kho, tiền phí công chứng, làm ủy nhiệm chi để nhận số tiền 320 tỷ đồng để vay tiền của bà X và sẽ cho bà X thêm số tiền lớn. Do tin tưởng việc V và L được Nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum là có thật nên bà X đã nhiều lần đưa tiền và chuyển tiền vào tài khoản số 050064467953 của Nguyễn Ngọc Bảo V tại ngân hàng S tổng

số tiền 280 triệu đồng. Do thời gian lâu không thấy L - V nhận được tiền bồi thường đất để trả lại tiền, nên bà X đã yêu cầu L - V trả tiền. Đến ngày 03/07/2020, vợ chồng V - Th có viết giấy mượn tiền với bà X xác nhận mượn số tiền 280 triệu đồng và 5,2 chỉ vàng (đối với 5,2 chỉ vàng bị cáo V mang bán tại Thành phố B được 16 triệu đồng, các bên xác nhận L - V vay của bà X số tiền là 16 triệu đồng), nhưng đến nay bị cáo L - V không trả. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra xác định: L - V đã đưa ra nhiều thông tin gian dối, không có thật về việc được nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum để bà Phạm Thị X tin tưởng cho vay mượn số tiền 296 triệu đồng và chiếm đoạt số tiền 296 triệu đồng của bà X.

Vụ thứ năm: Chiếm đoạt tiền của của Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1966, CMND số: 245328368; HKTT: Xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và vợ là bà Ngô Tuyết Ngh, sinh năm 1973, CMND số: 125364546; HKTT: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, cùng cư trú tại: đường A, Phường 03, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Khoảng đầu tháng 6/2017, vợ chồng Ngh - B có quen biết với gia đình L - V - Th thông qua bà Đinh Thị Thúy H2. Bà H2 cho biết hiện đang cho gia đình L - V vay tiền sử dụng làm nhiều thủ tục nhận tiền bồi thường đất tại Thành phố K. Ngày 06/06/2017, L - V đặt vấn đề vay mượn số tiền 60 triệu đồng để lo công việc chạy làm hồ sơ đền bù đất tại Thành phố K, hẹn 03 ngày sau sẽ trả và cho thêm số tiền lớn hơn nhưng sau đó không trả. Đến khoảng tháng 11/2017, V có cho vợ chồng Ngh - B xem Quyết định bồi thường số tiền 165 tỷ đồng và tiếp tục mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền hơn 200 triệu đồng để đi làm nhiều thủ tục giải ngân tiền bồi thường đất và sẽ trả tiền cho vợ chồng Ngh - B khi nhận được tiền đền bù đất tại Thành phố K. Tiếp đó đến khoảng tháng 01/2018, L - V cho vợ chồng Ngh - B xem Quyết định bồi thường số tiền 320 tỷ đồng do thu hồi đất tại Thành phố K và một “Thẻ tiết kiệm” đều đứng tên Nguyễn Ngọc Bảo V có số tiền trong ngân hàng là 320 tỷ đồng để vợ chồng Ngh - B tin tưởng tiếp tục cho L - V vay tiền. Vào cuối tháng 02/2018, L - V có liên lạc với ông B cho biết đi TP Hà Nội để nhận tiền đền bù đất số tiền 320 tỷ đồng, đoàn đi có khoảng 20 người trong đó có L - V - Th và 05 người con của V, cùng hơn 10 người đều là những người đã cho L - V vay tiền trước đó để V, L làm các thủ tục nhận tiền đền bù đất tại Thành phố K. Trong thời gian 12 ngày ở TP Hà Nội, V cho những người đi cùng biết cần số tiền 600 triệu đồng để đóng tiền thuế đất thu hồi để nhận tiền giải ngân 320 tỷ đồng, tiền phí mở sổ tiết kiệm cho những người đi cùng, tiền đưa cho cán bộ Ngân hàng M (M) để giải ngân tiền đền bù. Do đó, ông B tin tưởng việc V và L được Nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum là có thật nên đã cho V, L vay mượn tiền. Sau đó, V có mang 13 “Thẻ tiết kiệm” có nhiều số tiền trên thẻ khác nhau, L - V có số tiền nhiều tỷ đồng, còn những người đi cùng có 10 tỷ đồng và V nói mọi người về lại TP Đ để nhận tiền. Khi về TP Đ thì ông B phát hiện thẻ tiết kiệm do V đưa không có tiền trong tài khoản và nói cho V biết, nên V đã thu hồi các thẻ tiết kiệm trên nói mang lại ra TP Hà Nội để nộp lại vào Ngân hàng thì sẽ nhận được số tiền 320 tỷ đồng. Chỉ có thẻ tiết kiệm của bà Bạch Thị H1 không đưa lại cho V là do bà H mang thẻ tiết kiệm lên Ngân hàng M (M) - Chi nhánh Lâm Đồng và bị thu giữ. Tiếp đó, V nói qua Thành phố K để nhận tiền đền bù, ở được

02 ngày thì lại tiếp tục thuê xe chở mọi người ra TP Hà Nội 01 tuần để nhận tiền đền bù (mọi chi phí đều do V chi trả). Khi ra TP Hà Nội, V khai một mình đi liên hệ với Ngân hàng làm việc để nộp lại thẻ tiết kiệm, do bà H không có thẻ tiết kiệm để nộp lại nên V có yêu cầu viết cam kết trả lại thẻ tiết kiệm thì sẽ trả lại tiền đã vay cho bà H, cũng như cho biết do không có đủ thẻ tiết kiệm để nộp cho Ngân hàng nên nói mọi người về TP Đ để nhận tiền đền bù. Vợ chồng Ngh - B có yêu cầu V trả lại tiền đã vay, nhưng V cho biết chưa nhận được tiền đền bù đất nên có viết giấy vay mượn tiền số tiền 800 triệu đồng đề ngày 30/03/2018. Tiếp đó, V có giới thiệu một người tên Hoàng Anh B1 (thường gọi là “B1 béo”, không rõ nhân thân lai lịch, địa chỉ cụ thể), V cho biết làm ở Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ giúp gia đình L - V nhận tiền bồi thường 320 tỷ đồng, toàn bộ do V tự nói cho vợ chồng B - Ngh và những người đã cho gia đình L - V vay tiền nghe, không trực tiếp chứng kiến, khi gặp chỉ thấy L - V - Th ăn nhậu với người tên Hoàng Anh B1. V còn cho biết ông Hoàng Anh B1 có đất tại đường P, Phường 10, TP Đ đang thế chấp trong ngân hàng 08 tỷ đồng, ông B (B béo) có 7,7 tỷ đồng còn thiếu 300 triệu đồng để trả vào ngân hàng, lấy sổ đỏ ra sau đó thế chấp lại và cho V số tiền 08 tỷ đồng này để trả cho nhiều người đã cho gia đình L - V vay tiền, cũng như dùng số tiền này để đi làm thủ tục giải ngân số tiền 320 tỷ đồng được đền bù đất tại Thành phố K. Do tin tưởng vào V nên vợ chồng B - Ngh tiếp tục cho L - V vay tiền nhiều lần, tổng số tiền 410 triệu đồng. Ngày 05/6/2018, V thuê xe ô tô 16 chỗ do ông Nguyễn Văn Đ (Long) làm tài xế chở gia đình L - V cùng nhiều người đã cho L - V vay tiền để qua Thành phố K nhận tiền đền bù đất (mọi chi phí đi lại, ăn ở đều do V chi trả). L - V tiếp tục vay mượn tiền của nhiều người đi cùng trong đó có ông Đ, ông Đ có liên lạc với vợ là bà H để L - V liên hệ vay tiền làm thủ tục công chứng số tiền đền bù, đóng thêm tiền thuế... nhưng vẫn chưa nhận được tiền đền bù đất nên lại về Thành phố B nơi gia đình L - V - Th thuê trọ để sinh sống và ở cùng đợi tiền đền bù đất. Tại đây, L - V tiếp tục đưa ra nhiều thông tin cần tiền để đóng thuế công chứng lưu kho 320 tỷ đồng, tiền phí chở 32 kết sắt tiền 320 tỷ đồng từ TP Hà Nội về Thành phố B, phí mở tài khoản trong Ngân hàng, phí bảo hiểm số tiền 320 tỷ đồng, chi tiền cho cán bộ chuyển tiền, cán bộ ngân hàng một ngày là 10 triệu đồng, thứ 7, chủ nhật là 20 triệu đồng, phí làm lại giấy tờ do ký sai các giấy nhận tiền và nhiều loại phí khác. Ngoài ra, V có cho mọi người xem giấy xác nhận số dư trong tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Ngọc Bảo V có số tiền 245 tỷ đồng (ông Đ có dùng điện thoại chụp hình lại giấy xác nhận số dư) để vay tiền của ông B, vợ chồng H - Đ và nhiều người tại TP Đ. Từ năm 2017 đến năm 2020, bị cáo L - V đã vay mượn của vợ chồng Ngh - B tổng số tiền là 1.380.000.000đ (một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng) trong đó có viết giấy vay mượn 800 triệu đồng, 580 triệu đồng thì không viết giấy vay mượn. Tuy nhiên, quá trình làm việc, ghi lời khai, đối chất và các tài liệu thu thập được, V thừa nhận đã vay mượn toàn bộ số tiền 1.380.000.000đ của vợ chồng Ngh - B là đúng sự thật. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra xác định: L - V đã đưa ra nhiều thông tin gian dối, không có thật về việc được nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum để vợ chồng ông bà Đỗ Văn B - Ngô Tuyết Ngh tin tưởng cho vay mượn số tiền 1.380.000.000đ sau đó chiếm đoạt.

Vụ thứ sáu: Chiếm đoạt tiền của của Bà Bạch Thị H1, sinh năm 1962, CMND số: 250518762; HKTT: đường Y, Phường 9, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Khoảng tháng 9/2017, bà H1 có quen biết với gia đình L - V thông qua bà Nguyễn Thị Th (thường gọi là H2). Bà Th cho biết hiện đang cho gia đình L - V vay tiền sử dụng làm nhiều thủ tục nhận tiền bồi thường đất tại Thành phố K. Ngày 04/09/2017, L - V đặt vấn đề vay mượn số tiền 200 triệu đồng để lo công việc chạy làm hồ sơ đền bù đất tại Thành phố K, hẹn 03 ngày sau sẽ trả gốc và lãi cùng với cho thêm bà H1 số tiền lớn. Tháng 01/2018, L - V cho bà H1 xem Quyết định bồi thường số tiền 320 tỷ đồng do thu hồi đất tại Thành phố K và một “Thẻ tiết kiệm” đều đứng tên Nguyễn Ngọc Bảo V có số tiền trong ngân hàng là 320 tỷ đồng để bà H1 tin tưởng tiếp tục cho L - V vay tiền làm các thủ tục giải ngân tiền đền bù đất. Vào cuối tháng 02/2018, L - V nói bà H1 đi TP Hà Nội để nhận tiền đền bù đất số tiền 320 tỷ đồng. Trong thời gian ở TP Hà Nội, V cho những người đi cùng biết cần số tiền 600 triệu đồng để đóng tiền thuế đất thu hồi để nhận tiền giải ngân 320 tỷ đồng, tiền phí mở thẻ tiết kiệm cho những người đi cùng, tiền đưa cho cán bộ Ngân hàng M (M) để giải ngân tiền đền bù. Do tin tưởng, bà H1 đã vay mượn tiền để đưa cho V và V có mang 13 “Thẻ tiết kiệm” có nhiều số tiền khác nhau trên thẻ, trong đó bà H1 đứng tên một thẻ tiết kiệm có số tiền 10 tỷ đồng, V nói mọi người về TP Đ để nhận tiền. Khi về TP Đ, sau nhiều ngày không thấy được nhận tiền, bà H mang thẻ tiết kiệm lên Ngân hàng M (M) - Chi nhánh Lâm Đồng để hỏi thì được biết là thẻ tiết kiệm giả và lập biên bản thu giữ. Tiếp đó, V thuê xe chở mọi người qua Thành phố K để nhận tiền đền bù ở được 02 ngày thì lại tiếp tục nói ra TP Hà Nội để nhận tiền đền bù, mọi chi phí đều do V chi trả. Khi ở TP Hà Nội trong khoảng gần 10 ngày, V nói đi Ngân hàng để nộp lại các thẻ tiết kiệm trước đó đưa cho mọi người để nhận tiền đền bù đất, nhưng do bà H1 không có thẻ tiết kiệm nên V có yêu cầu bà H1 viết giấy cam kết trả lại thẻ tiết kiệm thì V sẽ trả lại số tiền 821.000.000đ (tám trăm hai mươi một triệu đồng) đã vay của bà H đề ngày 20/03/2018. Trong thời gian ở tại TP Hà Nội và Thành phố B, V có giới thiệu một người tên Hoàng Anh B1 (thường gọi là “B1 béo”, không rõ nhân thân lai lịch, địa chỉ cụ thể), V cho biết làm ở ngoài Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ giúp gia đình L - V nhận tiền bồi thường 320 tỷ đồng, khi gặp chỉ thấy L - V - Th ăn nhậu với người tên B, không thấy trao đổi, đưa tiền liên quan đến việc bồi thường đất tại Thành phố K, chỉ do V tự nói cho mọi người những lúc muốn vay thêm tiền. V cho biết ông “B1 béo” có đất tại đường P, Phường 10, TP Đ sẽ cho bị cáo V số tiền 08 tỷ đồng để đi làm thủ tục giải ngân số tiền 320 tỷ đồng được đền bù đất tại Thành phố K, nhưng đất đang vay trong ngân hàng còn thiếu 300 triệu đồng để lấy giấy tờ ra nên tiếp tục vay mượn tiền của bà H. Đến ngày 05/6/2018, V thuê xe ô tô 16 chỗ do ông Nguyễn Văn Đ (L1) làm tài xế chở gia đình L - V cùng nhiều người đã cho L - V vay tiền để qua Thành phố K nhận tiền đền bù đất (mọi chi phí đi lại, ăn ở đều do V chi trả). L - V tiếp tục vay mượn tiền của nhiều người đi cùng trong đó có ông Đ, ông Đ có liên lạc với vợ là bà H để L - V trao đổi trực tiếp vay mượn tiền làm thủ tục công chứng số tiền đền bù 120 tỷ đồng, đóng tiền thuế đất cho UBND Thành phố K. Nhưng sau đó vẫn chưa nhận được tiền đền bù nên quay lại Thành phố B nơi gia đình L - V thuê trọ để sinh sống cùng nhiều người đã cho L -

V vay tiền. Trong thời gian này, L - V đưa ra nhiều thông tin cần tiền để đóng thuế công chứng lưu kho 320 tỷ đồng, tiền phí chờ 32 kết sắt tiền 320 tỷ đồng từ TP Hà Nội về Thành phố B, tiền phí mở tài khoản trong Ngân hàng, tiền phí bảo hiểm số tiền 320 tỷ đồng, chi tiền cho cán bộ chuyển tiền, chi tiền cho cán bộ ngân hàng một ngày là 10 triệu đồng, thứ 7, chủ nhật là 20 triệu đồng, tiền phí làm lại giấy tờ do ký sai các giấy nhận tiền và nhiều loại phí khác, V có cho mọi người xem giấy xác nhận số dư trong tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Ngọc Bảo V có số tiền 245 tỷ đồng (ông Đ có dùng điện thoại chụp hình lại giấy xác nhận số dư) để vay tiền của bà H, vợ chồng H - Đ cùng nhiều người tại TP Đ. Quá trình điều tra xác định, trong thời gian từ tháng 9/2017 đến tháng 01/2020, L - V đã đưa ra nhiều thông tin gian dối, không có thật về việc được nhà nước bồi thường tiền đất tại Thành phố K, tỉnh Kon Tum để bà Bạch Thị H1 tin tưởng cho vay mượn số tiền 1,2 tỷ đồng sau đó chiếm đoạt.

Quá trình điều tra xác định L - V đều nhận thức được đối với các giấy tờ từ thời chế độ cũ liên quan đến đất tại Phường Th, Thành phố K, tỉnh Kon Tum và thực tế từ năm 1975 gia đình L - V không có ở trên lô đất này, không có giấy tờ hợp pháp chứng minh lô đất đứng tên của Lê Thị Hồng L hay đứng tên Nguyễn Ngọc Bảo V và hiện tại lô đất đã được cấp cho các cơ quan Nhà nước và người dân sử dụng, sinh sống hợp pháp thì theo quy định của pháp luật sẽ không Đ bồi thường tiền hay trả lại đất. Do đó, các Quyết định của UBND Thành phố K về việc bồi thường cho Nguyễn Ngọc Bảo V với số tiền lên đến 320 tỷ đồng do thu hồi đất tại đường Tr, Phường Th, Thành phố K, tỉnh Kon Tum là giả không có thật. Việc V không có tài khoản tại Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Gia Lai nhưng vẫn có giấy xác nhận số dư có số tiền 245 tỷ đồng trong tài khoản do Nhà nước chi trả tiền bồi thường việc thu hồi đất cũng là giả không có thật, các thẻ tiết kiệm của Ngân hàng M cũng là giả không có thật. Nhưng V và L vẫn đưa ra các thông tin gian dối, không có thật để các bị hại tin tưởng cho L - V vay tiền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST ngày 12 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V, Lê Thị Hồng L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng L 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 25/3/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 15/12/2022, bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 19/12/2022, bị cáo Lê Thị Hồng L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/12/2022, bị hại Hồ Thị Thu H, Phạm Thị X, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Mai A, Đỗ Văn B, Ngô Thị Tuyết Ngh có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V, Lê Thị Hồng L; yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Văn Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Hồng L và các bị hại Hồ Thị Thu H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Mai A, Đỗ Văn B, Ngô Thị Tuyết Ngh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V, bị hại Phạm Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do hồ sơ vụ án còn có nhiều mâu thuẫn; cần xác minh đối với Hoàng Anh B1 do đây là đối tượng chính trong vụ án này.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Hồng L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền bị cáo L chiếm đoạt; từ đó, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, chưa làm rõ số tiền chiếm đoạt các bị cáo sử dụng vào mục đích gì; chưa làm rõ các bị cáo có những tài sản nào để tiến hành kê biên, thu hồi tiền cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị Hồng L và các bị hại Hồ Thị Thu H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Mai A, Đỗ Văn B, Ngô Thị Tuyết Ngh làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V, bị hại Phạm Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa phúc thẩm 02 lần nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo và người bị hại.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Mặc dù không có đất tại thành phố K, tỉnh Kon Tum và không Đ nhà nước bồi thường tiền do thu hồi đất tại thành phố K, tỉnh Kon Tum với số tiền 320 tỷ đồng, không có thể tiết kiệm với số tiền nhiều tỷ đồng tại các ngân hàng nhưng trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2020, Nguyễn Ngọc Bảo V cùng Lê Thị Hồng L đã đưa ra các thông tin gian dối trên nhằm làm cho bị hại tin tưởng gia đình các bị cáo được nhà nước bồi thường tiền đất tại thành phố K, hiện cần tiền

đóng tiền thuê đất, tiền phí mở sổ tiết kiệm, tiền đưa cho cán bộ làm thủ tục giải ngân tiền đền bù để vay; từ đó các bị hại cho V và L mượn tổng tiền 7.657.000.000 đồng và chiếm đoạt của các bị hại, đến nay không có khả năng hoàn trả lại. Trong đó, chiếm đoạt của bà Hồ Thị Thu H số tiền 3.800.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mai A số tiền 870.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị M số tiền 111.000.000 đồng; bà Phạm Thị X số tiền 296.000.000 đồng; ông Đỗ Văn B cùng vợ là bà Ngô Tuyết Ngh số tiền 1.380.000.000 đồng; bà Bạch Thị H1 số tiền 1.200.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm và tại đơn kháng cáo, bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V không thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo cho rằng các giấy tờ thể hiện nguồn gốc đất của gia đình là có thật, hiện nay các bị cáo đang khiếu nại tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở tỉnh Kon Tum; các giấy tờ giả, số tiền trong tài khoản là do đối tượng Hoàng Anh B1 cho V và L; tiền vay của bị hại các bị cáo sử dụng đúng mục đích và toàn bộ số tiền này đã chuyển cho Hoàng Anh B1. Xét thấy, chính trên cơ sở lời khai của bị cáo V cũng thể hiện thực tế các bị cáo không Đ UBND tỉnh Kon Tum ban hành quyết định bồi thường 320 tỷ đồng do thu hồi đất tại thành phố K; trường hợp nguồn gốc đất có thuộc của gia đình các bị cáo và các bị cáo đang khiếu nại thì việc đã được bồi thường 320 tỷ đồng là không có thật. Các bị cáo không có tiền tiết kiệm được gửi tại các Ngân hàng như các sổ tiết kiệm đã xuất trình cho các bị hại xem. Trên cơ sở những thông tin gian dối mà các bị cáo đưa ra, bị hại đã tin tưởng và cho bị cáo mượn tiền. Hành vi của các bị cáo đã hoàn thành kể từ thời điểm các bị hại chuyển giao tiền cho các bị cáo. Đối với Hoàng Anh B1, các bị cáo cho rằng các giấy tờ giả, thẻ tiết kiệm đều do Hoàng Anh B1 đưa, tiền nhận từ bị hại, các bị cáo cũng giao cho Bình nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Hiện nay cũng không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng tên Bình.

Bản thân bị cáo V cũng đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 84/HSST ngày 04/7/2014. Bị cáo V cho rằng không biết các giấy tờ là giả, sử dụng tiền vay đúng mục đích và chỉ làm theo sự hướng dẫn của đối tượng Hoàng Anh B1 là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V, Lê Thị Hồng L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V và người bào chữa cho bị cáo kháng cáo về tội danh và đề nghị hủy án để xác minh làm rõ vai trò của Hoàng Anh B1 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Đối với hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan tổ chức để phạm tội nhưng tài liệu thu thập được Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND Thành phố K và Giấy xác nhận số dư của Ngân hàng TPCP S (S) - Chi nhánh Gia Lai xác nhận Nguyễn Ngọc Bảo V là chủ sở hữu của tài khoản số: 053.11.17969560019, số dư: 245.000.000.000đ là bản phô tô, không có bản chính; đối với “*Thẻ tiết kiệm mang tên Bạch Thị H1 với số tiền 10 tỷ đồng*” Ngân hàng TMCP M chi nhánh Lâm Đồng đã thu giữ để chuyển ra Hội sở của

Ngân hàng TMCP M tại Hà Nội để xử lý; Cơ quan cảnh sát điều tra đã ban hành yêu cầu số 350/VPCQCSĐT ngày 18/11/2021 và Công văn 2430/VPCQCSĐT ngày 10/12/2021 yêu cầu phúc đáp Yêu cầu số 350/VPCQCSĐT gửi Ngân hàng TMCP M chi nhánh Lâm Đồng; đồng thời ban hành yêu cầu số 351/VPCQCSĐT ngày 18/11/2021 và Công văn số 2431/VPCQCSĐT ngày 10/12/2021 yêu cầu phúc đáp yêu cầu số 351/VPCQCSĐT gửi Ngân hàng TMCP M (M) nhưng đến nay chưa có kết quả nên không có căn cứ để xử lý các bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Tòa án cấp phúc thẩm kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý tránh bỏ lọt hành vi phạm tội.

[2.3]. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị Hồng L và các bị hại về hình phạt đối với các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*”, “*phạm tội đối với người già*” và chiếm đoạt của bị hại số tiền tương đối lớn; bản thân bị cáo V đã từng bị xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội tương tự với tính chất Ngh trọng hơn. Do vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng, đủ Ngh để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; đánh giá vai trò của từng bị cáo và xử phạt bị cáo V 18 năm tù, bị cáo L 15 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L không có cơ sở chấp nhận.

Đối với các bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo V, L thấy rằng mức hình phạt trên là phù hợp, đã đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về hình phạt.

[2.4]. Đối với kháng cáo của các bị hại yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với một số cá nhân khác:

Ông Th là chồng của bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V. Trong thời gian chung sống với V, Th được V cho biết gia đình L, V có đất tại thành phố K, được UBND thành phố K bồi thường cho gia đình L, V nhiều tỷ đồng và cho Th xem các giấy tờ tài liệu chung với nhiều người khác nên cũng tin tưởng là gia đình L, V được bồi thường tiền. Bản thân ông Th có hỗ trợ tiền cho L, V cũng như cùng V vay mượn tiền của nhiều người dân tại thành phố Đ để làm thủ tục giải ngân tiền bồi thường đất. Giữa L, V không có trao đổi, thỏa thuận hay cho ông Th biết các giấy tờ trên là giả; số tiền nhận được cũng do L, V sử dụng; ông Th không biết. Vì vậy, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn Th về hành vi đồng phạm với bị cáo L, V trong vụ án này.

Đối với Hoàng Anh B1, cơ quan điều tra đã thực hiện xác minh nhưng chưa làm rõ được nhân thân lai lịch nên chưa đủ cơ sở xử lý.

[2.5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và người bị hại; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không Đ chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V, Lê Thị Hồng L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V, bị cáo Lê Thị Hồng L và các bị hại Hồ Thị Thu H, Phạm Thị X, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Mai A. Đỗ Văn B, Ngô Thị Tuyết Ngh.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HSST ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V, Lê Thị Hồng L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng L 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 25/3/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc Bảo V, Lê Thị Hồng L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (3);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1);
- Công an tỉnh Lâm Đồng (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng (2);
- BCTN (1);
- BH (5)
- Lưu VP(3), HS(2). 23b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng

